

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá của các đơn vị cung cấp đồ vải để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu, giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp đồ vải (theo phụ lục 01) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương
- Cách thức báo giá: Nộp bản chính (bản cứng) và bản mềm (lưu trên USB) đối với hàng hóa:
 - + 01 bản chính (bản cứng) bằng tiếng Việt có ký tên và đóng dấu của người đại diện hợp pháp các hãng sản xuất, các nhà cung cấp theo mẫu phụ lục đính kèm (Phụ Lục 02).
 - + Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của hàng hóa và các tài liệu khác liên quan (nếu có).
- Địa điểm nộp báo giá: Gửi đến bộ phận văn thư của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Bình Khiêm - phường Nguyễn Du - quận Hai Bà Trưng - Tp. Hà Nội.
- Thời gian nhận báo giá: Trong vòng 07 ngày
Từ ngày 15/8/2025 đến hết 16h30 ngày 21/8/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp, thực hiện dịch vụ: Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; địa chỉ: Số 29 phố Nguyễn Bình Khiêm, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Thời gian hoàn thành hợp đồng: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ lúc hoàn thiện các thủ tục thanh toán theo quy định.

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

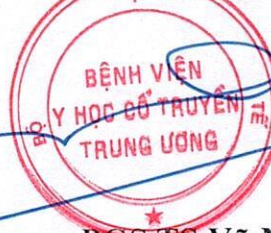
Mọi thông tin cần giải đáp vui lòng liên hệ số điện thoại: 0243 9434462 - Phòng Hành chính Quản trị

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Văn thư, PC, HCQT

Giám Đốc Bệnh viện



PGS.TS Vũ Nam



Phụ lục 01

Danh mục hàng hóa

Đính kèm thông báo số: 829/TB-BVYHCTTW ngày 15 tháng 8 năm 2025

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Ga trải giường KT: 1,5 x 2,5m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải màu trắng 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (78±1)%; Visco: (17±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m ²): 236±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 362±2 * Quy cách may - Kích thước: 1,5 x 2,5m - Quy cách: May xung quanh mép đường may 0,7cm. Có in logo của Bệnh viện	Cái	500
2	Ga trải giường chun KT: 1,9 x 0,9m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải màu trắng 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (78±1)%; Visco: (17±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m ²): 236±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 362±2 * Quy cách may - Kích thước: 1,9x0,9m - Quy cách: May chun xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện	Cái	100
3	Vỏ gối KT: 0,4 x 0,6m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải màu trắng 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (78±1)%; Visco: (17±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m ²): 236±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 362±2	Cái	400

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		* Quy cách may - Kích thước: 0,4 x 0,6m - Quy cách: May xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện		
4	Áo bệnh nhân	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kê sọc 2. Màu sắc: Màu kẻ sọc trắng xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (67±1)%; Cotton: (33±1)% - Khối lượng (g/m ²): 100 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện - Kích cỡ: + Số 2: 200 cái; + Số 3: 300 cái + Số 4: 50 cái	Cái	550
5	Quần bệnh nhân	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kê sọc 2. Màu sắc: Màu kẻ sọc trắng xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (67±1)%; Cotton: (33±1)% - Khối lượng (g/m ²): 100 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện - Kích cỡ: + Số 2: 200 cái; + Số 3: 300 cái + Số 4: 50 cái	Cái	550
6	Váy bệnh nhân	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kê sọc 2. Màu sắc: Màu kẻ sọc trắng xanh 3. Thông số kỹ thuật vải:	Cái	400

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Thành phần (%): Polyeste: (67±1)%; Cotton: (33±1)% - Khối lượng (g/m ²): 100 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện		
7	Áo vàng	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kate 2. Màu sắc: Màu vàng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (65±1)%; Cotton: (35±1)% - Khối lượng (g/m ²): 162 * Quy cách may Áo 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gối 5 - 10cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Có in logo của Bệnh viện	Cái	30
8	Ruột gối	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vỏ ngoài: Vải Kate 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% Polyeste - Khối lượng (g/m ²): 132±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 500±2; ngang: 338±2 * Quy cách may Vỏ ngoài vải 100% Polyester, ruột bông hóa học + vỏ chống thấm	Cái	300
9	Túi đựng đồ bẩn	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải thô 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 278±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 216±2; ngang: 118±2 * Quy cách may - May xung quanh mép. Miệng ô ruê khuy có dây buộc KT: 1,2 x 0,9m	Cái	50

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
10	Ruột bông siêu nhẹ	1. Chất liệu vỏ ngoài: Vải Kate 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% Polyeste - Khối lượng (g/m ²): 132±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 500±2; ngang: 338±2	Cái	250
11	Chăn trần bông hoặc ni siêu nhẹ KT: 1,5m x 2m	* Thông số kỹ thuật 1. Chất liệu vải: Vải 100% cotton 2. Màu sắc: nền trắng hoa xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 154±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286±2 ; ngang: 222±2 * Quy cách may - Kích thước 1,5 m x 2m - Quy cách may: May trần 2 mặt	Cái	150
12	Khăn xoa bóp KT: 0,9 x 0,6m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Phin 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% Cotton - Khối lượng (g/m ²): 147±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 263±2; ngang: 213±2 * Quy cách may - Kích thước: 0,9m x 0,6m - Quy cách: May xung quanh mép - Có in logo của Bệnh viện	Cái	250
13	Khăn xoa bóp KT: 0,4 x 0,6m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Phin 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% Cotton - Khối lượng (g/m ²): 147±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 263±2; ngang: 213±2 * Quy cách may	Cái	50

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Kích thước: 0,4m x 0,6m - Quy cách: May xung quanh mép - Có in logo của Bệnh viện		
14	Quần áo mi mờ khoa TDCN	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Thô 2. Màu sắc: Màu xanh cổ vịt 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (65±1)%; Visco: (35±1)% - Khối lượng (g/m²): 165±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 302±2; ngang: 256±2 * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện	Cái	10
15	Quần áo mi mờ Khoa Ngoại	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải xanh dương 2. Màu sắc: Màu xanh dương 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (79±1)%; Visco: (15±1)%; Spandex: (6±1)% - Khối lượng (g/m²): 242±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 481±2; ngang: 364±2 * Quy cách may - May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Có in logo của Bệnh viện	Cái	150
16	Ga trải bàn mi mờ KT: 1,6 X 1,6m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1,6 x 1,6m - Quy cách: May xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện	Cái	30
17	Ga trải	* Thông số kỹ thuật vải	Cái	30

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
	giường KT: 1,6 x 2,5m	1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1,6 x 2,5m - Quy cách: May xung quanh mép. Có in logo của Bệnh viện		
18	Áo choàng mổ	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (65±1)%; Cotton: (35±1)% - Khối lượng (g/m ²): 225±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 224±2 * Quy cách may - Áo phẫu thuật dài tay, khẩu trang liền cổ, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6cm, buộc dây phía sau. Có in logo của Bệnh viện	Cái	50
19	Toan vô trùng bàn KT: 1,5 x 1,5m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1,5 x 1,5m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm	Cái	50
20	Săng không lỗ KT: 1 x 1m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton	Cái	70

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Khối lượng (g/m ²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1 x 1m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm		
21	Săng không lỗ KT: 0,8 x 1m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 0,8 x 1m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm	Cái	30
22	Săng có lỗ KT: 1 x 1m Lỗ ĐK: 14cm	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1 x 1m lỗ ĐK: 14cm - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm	Cái	200
23	Toan mở trĩ có lỗ KT: 1,8 x 2m Lỗ ĐK: 20cm	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m ²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1,8 x 2m lỗ ĐK 20cm - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm	Cái	30

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
24	Toan bọc đồ 2 lớp vải KT: 1 x 1m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 1 x 1m - Quy cách may: May xung quanh mép đường may 0,7cm, May 2 lớp	Cái	80
25	Khăn tay vàng KT: 0,3 x 0,3m	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Cotton 2. Màu sắc: Màu vàng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Cotton: (83±1)%; Rayon: (17±1)% - Khối lượng (g/m²): 58±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 263±2; ngang: 208±2 * Quy cách may - Kích thước: 0,3 x 0,3m - Quy cách: dệt viền 4 xung quanh	Cái	400
26	Ga phủ K. NTBN KT: 190 x 65 x 70cm	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh lá cây 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): 100% cotton - Khối lượng (g/m²): 276±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 194±2 * Quy cách may - Kích thước: 190 x 65 x 70cm - Quy cách: May xung quanh mép đường may 0,7cm. Có in logo của Bệnh viện	Cái	100
27	Quần áo nhân viên hành chính	* Áo 1. Chất liệu vải: Vải Bamboo 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải:	Bộ	505

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Thành phần (%): Polyeste: (69±1)%; Cotton: (12±1)%; Visco: (19±1)% - Khối lượng (g/m²): 141±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 280±2; ngang: 288±2 * Áo vest, quần âu đối với nam, chân зуýp đối với nữ 1. Chất liệu vải: Vải Tuytsi 2. Màu sắc: Màu xanh tím than 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (69±1)%; Visco: (29±1)%; Spandex: (2±1)% - Khối lượng (g/m²): 278±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±2; ngang: 288±2 * Quy cách may - Cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, có thể thêm túi ngực, phía sau có xẻ, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Áo sơ mi cổ đứс, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. * 1 bộ bao gồm: Áo vest + áo sơ mi + Quần âu hoặc chân зуýp		
28	Quần áo blu	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải màu trắng 2. Màu sắc: Màu trắng 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (79±1)%; Visco: (16±1)%; Spandex: (5±1)% - Khối lượng (g/m²): 243±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 482±2; ngang: 368±2 * Quy cách may - Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Có in logo của Bệnh viện	Bộ	1.100
29	Quần áo bảo vệ	* Áo 1. Chất liệu vải: Vải thô 2. Màu sắc: Màu xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (63±1)%; Visco: (37±1)%	Bộ	8

TT	Danh mục	Quy cách, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Khối lượng (g/m²): 210±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 232±2; ngang: 218±2 * Quần 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu xanh 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (64±1)%; Visco: (36±1)% - Khối lượng (g/m²): 267±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 344±2; ngang: 206±2 * Quy cách may - Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015		
30	Quần áo nhân viên lái xe	* Thông số kỹ thuật vải 1. Chất liệu vải: Vải Kaki 2. Màu sắc: Màu tím than 3. Thông số kỹ thuật vải: - Thành phần (%): Polyeste: (93±1)%; Spandex: (7±1)% - Khối lượng (g/m²): 290±2 - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 897±2; ngang: 379±2 * Quy cách may - Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015	Bộ	8

TẾ

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo thông báo số 829 /TB-BVYHCTTW ngày 15 tháng 8 năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện y học cổ truyền trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện y học cổ truyền Trung ương, chúng tôi
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà
cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ
của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các danh mục hàng hóa

STT	Danh mục trang thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)	Giá kê khai
1	Hàng hóa A									
2	Hàng hóa B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên
quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể
số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày
....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu
báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu
trương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của
pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của
pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

